

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2023/DS-ST
Ngày: 17 - 4 - 2023
V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự, vay tài sản, mua bán
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Giữ.
- Ông Đoàn Văn Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự, vay tài sản và mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 501/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2022 và Thông báo về việc tiếp tục phiên tòa số: 546/TB-TA ngày 03 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hiếu Tr, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ 18, khóm VL, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh AG.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tr: Ông Tô Văn Đ, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp CH, xã BL, huyện CP, tỉnh AG, theo văn bản ủy quyền ngày 05/10/2022 (có mặt)

2. *Bị đơn:*

- Ông Nguyễn Phúc Đ1, sinh năm 1972 (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 05, khóm VL, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh AG.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ1 và bà D: Ông Nguyễn Phước H, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp VN, xã VT, huyện AP, tỉnh AG (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/9/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Tô Văn Đ đại diện cho ông Nguyễn Hiếu Tr trình bày:

Ngày 21/5/2021, do quen biết nên ông Tr cho bà D vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích để vợ chồng bà D và ông Đ1 bổ sung vốn kinh doanh; ông Tr chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng vào số tài khoản 7412137 mở tại Ngân hàng Á Châu (ACB) do bà D làm chủ tài khoản. Tuy nhiên, sau một thời gian dài bà D không trả tiền nên vào ngày 21/01/2022, giữa ông Tr và bà D mới lập hợp đồng vay, trong đó có nội dung thời hạn vay đến ngày 21/6/2022 bà D sẽ trả lại cho ông Tr số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất do hai bên thỏa thuận. Số tiền này trước đó vào ngày 21/5/2021 bà D đã nhận đủ 100.000.000 đồng.

Vào tháng 6/2021, do cần vốn kinh doanh nên bà D và ông Đ1 vay ông Tr số tiền 23.000.000 đồng, không có làm biên nhận, ông Tr chuyển tiền vào số tài khoản 7412137 mở tại Ngân hàng Á Châu (ACB) do bà D làm chủ tài khoản (chuyển lần một số tiền 15.000.000 đồng và chuyển lần hai số tiền 8.000.000 đồng). Ngoài ra, cửa hàng Vân Việt Long do ông Đ1 làm chủ, còn nợ tiền mua hàng (Bu lông, tán, lông đèn) của ông Tr số tiền 36.380.060 đồng chưa thanh toán kể từ ngày 14/4/2021 cho đến nay.

Việc vay các khoản tiền 100.000.000 đồng, 23.000.000 đồng và khoản nợ tiền hàng 36.380.060 đồng, thì ông Đ1 có đến nhà riêng của ông Tr tại tổ 18, khóm Vĩnh Lộc, thị trấn Cái Dầu để xác nhận nợ và hứa khi bán nhà được thì sẽ trả đủ số tiền 159.380.060 đồng cho ông Tr. Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng vay vào ngày 21/01/2022 đến nay thì bà D chỉ đóng lãi được số tiền 3.600.000 đồng. Ông Tr đã nhiều lần gặp bà D và ông Đ1 để yêu cầu trả tiền nhưng bà D và ông Đ1 chỉ hứa hẹn trả mà không thực hiện. Do đó, ông Tr yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Yêu cầu Tòa án buộc bà D và ông Đ1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Tr số tiền tổng cộng 159.380.060 đồng, trong đó bao gồm: Tiền vốn vay 123.000.000 đồng và tiền nợ mua hàng 36.380.060 đồng.

- Yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,6%/tháng trên số tiền vốn vay 100.000.000 đồng, tính kể từ ngày 21/02/2022 đến khi trả xong khoản tiền này. Không yêu cầu tính lãi đối với khoản vốn vay 23.000.000 đồng và khoản nợ tiền hàng 36.380.060 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn bà D và ông Đ1 vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tại phiên tòa,

Ông Tô Văn Đ, đại diện cho ông Tr trình bày: Nguyên đơn tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền mua hàng 36.380.060 đồng. Yêu cầu bà D và ông Đ1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Tr số tiền vốn vay tổng cộng 123.000.000 đồng. Yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền vốn vay 100.000.000 đồng, tính kể từ ngày 21/01/2022 cho đến khi bà D, ông Đ1 trả xong số tiền vốn vay 100.000.000 đồng; đồng ý khấu trừ 3.600.000 đồng tiền lãi bà D, ông Đ1 đã đóng. Không yêu cầu tính lãi đối với số tiền vốn vay 23.000.000 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bà D và ông Đ1 trả xong các khoản nợ vay cho ông Tr.

Ông Nguyễn Phước H, đại diện cho bà D và ông Đ1, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đó trình bày:

Thông nhất bà D và ông Đ1 còn nợ ông Tr số tiền vốn vay tổng cộng 123.000.000 đồng, trong đó bà D đã trả lãi được số tiền 3.600.000 đồng. Hợp đồng vay số tiền 100.000.000 đồng ông Tr cung cấp cho Tòa án không thỏa thuận cụ thể lãi suất nên đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh mức lãi suất là 10%/năm theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đối với tiền vốn vay 23.000.000 đồng thì đề nghị không tính lãi. Đối với số tiền mua hàng 36.380.060 đồng mà ông Tr yêu cầu thì các bị đơn không thừa nhận.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tr đối với số tiền nợ mua hàng 36.380.060 đồng, do tự nguyện rút yêu cầu này.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tr về việc trả nợ vay. Buộc bà D và ông Đ1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Tr số tiền vốn vay 123.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật, trong đó tính lãi suất trong hạn 10%/năm và lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

- Kể từ ngày ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà D và ông Đ1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất bằng 150% mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về hợp đồng vay tài sản và mua bán tài sản, bị đơn cư trú tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Tr và bà D, ông Đ1 đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc hợp đồng mua bán tài sản: Ông Tr tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện đối với nợ tiền hàng 36.380.060 đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này theo điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Ông H đại diện cho các bị đơn, có lời khai thừa nhận các bị đơn còn nợ ông Tr số tiền vốn vay 123.000.000 đồng. Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ lời khai thừa nhận của các bên để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[3] Về hợp đồng vay tài sản:

[3.1] Căn cứ lời khai của người đại diện theo ủy quyền của ông Tr và của bà D, ông Đ1 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Giữa ông Tr và bà D, ông Đ1 có xác lập hợp đồng vay tài sản vào ngày 21/01/2022 số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng; thuộc loại hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi, thời hạn vay từ ngày 21/01/2022 đến ngày 21/6/2022. Giữa ông Tr và bà D, ông Đ1 có xác lập hợp đồng vay tài sản vào tháng 6/2021, số tiền vốn vay là 23.000.000 đồng, thuộc loại hợp đồng vay tài sản không có thời hạn và không có lãi.

[3.2] Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức giao dịch phù hợp với quy định tại các điều 117, 118, 119, 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Qua kiểm tra sao kê các giao dịch chuyển khoản theo yêu cầu của bà D, không có cơ sở để xác định bà D có chuyển khoản thanh toán nợ cho ông Tr. Do đó, bà D và ông Đ1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên ông Tr khởi kiện yêu cầu bà D và ông Đ1 trả số tiền vốn vay 123.000.000 đồng và tiền lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 466, 469 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về việc tính lãi:

Đối với số tiền vốn vay 100.000.000 đồng, căn cứ hợp đồng vay tiền ngày 21/01/2022, giữa ông Tr và bà D, ông Đ1 có thỏa thuận về lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tiền lãi kể từ ngày 21/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (17/4/2023) được tính như sau:

- Lãi trong hạn từ ngày 21/01/2022 đến ngày 21/6/2022 là: 151 ngày x 10%/năm x 100.000.000 đồng = 4.137.000 đồng (làm tròn số)

- Lãi quá hạn từ ngày 22/6/2022 đến ngày 17/4/2023 là: 300 ngày x 150% x 10%/năm x 100.000.000 đồng = 12.329.000 đồng (làm tròn số)

Tiền vốn vay không tính lãi là: 23.000.000 đồng.

Tiền lãi bà D, ông Đ1 đã trả là: 3.600.000 đồng.

Tổng cộng vốn, lãi là: 139.466.000 đồng – trừ ra 3.600.000 đồng lãi đã nhận = 135.866.000 đồng.

[3.4] Như vậy, bà D và ông Đ1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Tr số tiền nợ vay tổng cộng 135.866.000 đồng, trong đó: Vốn vay 123.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (17/4/2023) là 12.866.000 đồng. Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà D và ông Đ1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, tính theo mức lãi suất bằng 150% mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (đối với tiền vốn vay 100.000.000 đồng) và tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (đối với tiền vốn vay 23.000.000 đồng), tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Tr được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho ông Tr tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà D, ông Đ1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ và yêu cầu khởi kiện của ông Tr được chấp nhận nên bà D, ông Đ1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các 357, 463, 466, 469 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hiếu Tr đối với số tiền mua hàng 36.380.060 đồng (Ba mươi sáu triệu ba trăm tám mươi nghìn không trăm sáu mươi đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hiếu Tr về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều D và ông Nguyễn Phúc Đ1 trả nợ vay.

Buộc bà Nguyễn Thị Kiều D và ông Nguyễn Phúc Đ1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Hiếu Tr số tiền nợ vay tổng cộng 135.866.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng), trong đó bao gồm:

- Tiền vốn vay: 123.000.000 đồng (Một trăm hai mươi ba nghìn đồng);

- Tiền lãi tính kể từ ngày 21/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (17/4/2023) là 12.866.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày 18/4/2023 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Kiều D và ông Nguyễn Phúc Đ1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, tính theo mức lãi suất bằng 150% mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (đối với số tiền vốn vay 100.000.000 đồng) và tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (đối với số tiền vốn vay 23.000.000 đồng), tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kiều D và ông Nguyễn Phúc Đ1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.793.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Trả lại cho ông Nguyễn Hiếu Tr số tiền 3.975.000 đồng (Ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004998 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Hiếu Tr có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Kiều D và ông Nguyễn Phúc Đ1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Văn Giũ

Đoàn Văn Hiến

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Linh

